



TIẾNG ANH LỚP 5. UNIT 13. WHAT DO YOU DO IN YOUR FREE TIME?

LÝ THUYẾT- BÀI TẬP- ĐÁP ÁN

PART I: LÝ THUYẾT

I. VOCABULARY

English	Pronunciation	Vietnamese
Jog	/dʒɒg/	chạy bộ
camp	/kæmp/	cắm trại
Hike	/haik/	đi bộ đường dài
karate	/kə're:ti/	võ karate
Read	/ri:d/	đọc
listen to music	/'lisn tu: 'mju:zik/	nghe nhạc
play football	/plei 'fʊtbɔ:l/	chơi bóng đá
play chess	/plei tʃes/	chơi cờ
play tennis	/plei tenis/	chơi quần vợt
play badminton	/plei 'bædmintən/	chơi cầu lông
play volleyball	/plei 'vɔ:li,bɑ:l/	chơi bóng chuyền
play computer game	/plei kəm'pjʊ:tə[r] 'geɪm/	chơi trò chơi trên máy tính
go swimming	/gəʊ 'swimiŋ/	đi bơi
go fishing	/gəʊ 'fɪʃɪŋ/	đi câu cá



II. GRAMMAR

1. Hỏi và trả lời về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi .

Cấu trúc	Ví dụ
What + do/does +S + do in one's free time ? - Ai đó làm gì vào thời gian rảnh rỗi? Subject + Verb. - Chủ ngữ + Động từ. *Lưu ý khi sử dụng các động từ "Play,Do,Go": Play + Các trò chơi với bóng, bàn cờ, và các trò chơi đối kháng Ví dụ: Play football, play chess, play badminton Do + Các trò chơi không dùng bóng, không chơi theo đội Ví dụ: Do karate, do puzzle Go + Các hoạt động kết thúc bằng đuôi "-ing" Ví dụ: Go swimming, go fishing	What do you do in your free time ? -Bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi ? I watch animal programs. -Mình thường xem về chương trình động vật What does your father do in his free time ? -Bố bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi ? He goes jogging in the park. -Bố mình thường chạy bộ trong công viên.

2. Hỏi về những hoạt động trong quá khứ.

Cấu trúc	Ví dụ
What + did + S + do? - Ai đó làm gì. S + V2. (V2: động từ trong quá khứ, cột thứ 2 trong bảng động từ bất quy tắc)	What did you do yesterday ? -Bạn đã làm gì ngày hôm qua? I stayed at home and watched TV. -Tớ ở nhà và xem TV.



PRACTICE

1. Add one letter to have the correct word.

1. _EASIDE
2. PAG_DA
3. P_LACE
4. _IVER
5. HOLI_AY
6. FR_E
7. SIG_TSEEING
8. _ARDEN
9. CA_
10. STARF UIT

2. Complete the sentence with the words in the box.

holiday	funny	Imperial
China town	bay	river

1. There is a near my neighbor.
2. I am on with my friends.
3. My father usually tell jokes to me.
4. What is the longest in the world?
5. We visited Hue City last week.
6. The..... is very beautiful.



3. Mark the sentence with an appropriate response.

No.	A	Opt.	B
1.	What does she often do in her freetime?	a.	Yes, I do
2.	Do you like drawing pictures?	b.	I went to Nha Trang last week.
3.	I visited Ho Chi Minh city yesterday.	c.	She often plays chess.
4.	Let's go fishing this weekend	d.	What did you do in Ho Chi Minh city?
5.	Where did you go last week?	e.	Great idea!

Your answer:

1.	2.	3.	4.	5.
----	----	----	----	----

4. Choose the best answer. (Chọn câu trả lời đúng).

- Whatshe do in the morning?
A. do B. does C. did
- What did they do.....?
A. today B. tomorrow C. last week
- Do you often.....TV?
A. watch B. watching C. watches
- My mothersome souvenirs in Ha Noi yesterday.
A. buy B. buying C. bought
- I like going fishing when I have
A. free time B. homework C. money
- Weseafood at Ha Long Bay last month.
A. enjoys B. enjoy C. enjoyed



5. Put the words in the correct order.

1. What/ do/ they/ do/ in/ their/ free/ time?/

.....

3. She/ often/ plays/ table/ tennis./

.....

4. mother/ goes/ My/ freetime./ shopping/ her/ usually/ in/

.....

5. My/ father/ goes/ fishing/ at/ weekends./

.....

6. My/ father/ played/ beach/ volleyball/ with/ his/ friends/ yesterday./

.....

7. mother/ her/ time?/ does/ your/ free/ What/ do/ in/

.....



KEY

1. Add one letter to have the correct word.

1. SEASIDE
2. PAGODA
3. PALACE
4. RIVER
5. HOLIDAY
6. FREE
7. SIGHTSEEING
8. GARDEN
9. CAR
10. STARFRUIT

2. Complete the sentence with the words in the box.

holiday	funny	Imperial
China town	bay	river

1. There is a **bay** near my neighbor.
2. I am on ... **holiday** with my friends.
3. My father usually tell **funny** jokes to me.
4. What is the longest **river** in the world?
5. We visited Hue **Imperial** City last week.
6. The **China Town** is very beautiful.



3. Mark the sentence with an appropriate response.

No.	A	Opt.	B
1.	What does she often do in her freetime?	a.	Yes, I do
2.	Do you like drawing pictures?	b.	I went to Nha Trang last week.
3.	I visited Ho Chi Minh city yesterday.	c.	She often plays chess.
4.	Let's go fishing this weekend	d.	What did you do in Ho Chi Minh city?
5.	Where did you go last week?	e.	Great idea!

Your answer:

1. C	2.A	3.D	4.E	5.B
------	-----	-----	-----	-----

4. Choose the best answer. (Chọn câu trả lời đúng).

- Whatshe do in the morning?
A. do **B. does** C. did
- What did they do.....?
A. today B. tomorrow **C. last week**
- Do you often.....TV?
A. watch B. watching C. watches
- My mothersome souvenirs in Ha Noi yesterday.
A. buy B. buying **C. bought**
- I like going fishing when I have
A. free time B. homework C. money
- 6.** Weseafood at Ha Long Bay last month.
A. enjoys B. enjoy **C. enjoyed**



5. Put the words in the correct order.

1. What/ do/ they/ do/ in/ their/ free/ time?/

What do they do in their free time?

3. She/ often/ plays/ table/ tennis./

She often plays table tennis.

4. mother/ goes/ My/ freetime./ shopping/ her/ usually/ in/

My mother usually goes shopping in her free time.

5. My/ father/ goes/ fishing/ at/ weekends./

My father goes fishing at weekends.

6. My/ father/ played/ beach/ volleyball/ with/ his/ friends/ yesterday./

My father played beach volleyball with his friends yesterday.

7. Mother/ her/ time?/ does/ your/ free/ What/ do/ in/

What does your mother do in her free time?